

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
HUYỆN CHÂU THÀNH NAM
TỈNH HẬU GIANG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 01- 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số số 59/2024/QĐ-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Phạm Minh C, sinh năm: 1989

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Phạm Minh C quen biết nhau từ năm 2010, tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Ông C có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập. Bà T và ông C đã ly thân từ tháng 07 năm 2023 cho đến nay. Sau đó bà T về nhà ba mẹ ở Sóc Trăng. Do mâu thuẫn không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Minh C.

Về con chung: có 02 con chung Phạm Minh S (nam; sinh ngày 24/09/2012) và Phạm Minh G (nam; sinh ngày 01/5/2018). Hai cháu hiện đang sống chung với bà T. Bà T có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con đến khi thành niên và không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung với: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Cẩm T được ly hôn với bà Phạm Minh

C

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Minh G (nam); sinh ngày 04/10/2016, Phạm Minh S (nam, sinh ngày 24/09/2012) cho bà Phan Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác. Ngoài ra viện kiểm sát còn phát biểu về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông C, bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông, bà phát sinh mâu thuẫn nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 16/10/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T cho rằng ông C có hành vi bạo lực gia đình, hay đánh đập bà, bà bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; từ đó ông bà ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay ông, bà không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn tình cảm và tin tưởng nhau nữa, xét thấy từ khi ly thân đến nay cả ông bà đều không còn liên hệ nhau, cả ông bà đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông C là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Phạm Minh G (nam); sinh ngày 04/10/2016, Phạm Minh S (nam, sinh ngày 24/09/2012), hiện hai cháu đang sống chung với bà T, từ khi ông, bà ly thân cho đến nay, các cháu được bà T chăm sóc chu đáo, học hành đầy đủ, ổn định cuộc sống nên để bảo đảm việc học hành và chỗ ở các cháu hiện tại nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho bà T nuôi dưỡng 02 cháu đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng các cháu. bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Cẩm T được ly hôn với bà Phạm Minh C

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Minh G (nam); sinh ngày 04/10/2016, Phạm Minh S (nam, sinh ngày 24/09/2012) cho bà Phan Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002867 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (bà T1 đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã Thiên Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính

